**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HK I MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ 9( PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ)**

**A/ PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1. Năm 2021, Việt Nam có số dân hơn( triệu người)**

1. 96,5 B. 97,5 C. 98,5 D. 99,5

**Câu 2. Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn là**

A. nông nghiệp. B. công nghiệp. C. thương mại. D. du lịch.

**Câu 3. Các dân tộc thiểu số thường phân bố ở**

A. Các đồng bằng ven biển và đồi núi. B. Miền núi và khu vực trung du.

C. Khu vực đồng bằng và cao nguyên. D. Các đảo ven bờ và vùng ven biển.

**Câu 4.Hiện nay, vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất cả nước?**

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ. C. Tây Nguyên. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 5.Dân số nước ta mất cân bằng giới tính rõ rệt ở**

A. Nhóm tuổi sơ sinh. B. Nhóm 15 – 64 tuổi .

C. Nhóm 65 tuổi trở lên. D.Tất cả các nhóm tuổi.

**Câu 6. Một số cây công nghiệp lâu năm chủ yếu ở nước ta gồm**

A. Cà phê, cao su, hồ tiêu, lạc. B. Cà phê, mía, cao su, hồ tiêu.

C. Cà phê, dừa, đậu tương, chè. D. Cà phê, cao su, hồ tiêu, chè,

**Câu 7. Hoạt động lâm nghiệp nước ta không bao gồm**

A. du lịch sinh thái. B. khai thác gỗ, lâm sản.

C. khoanh nuôi rừng. D. trồng và bảo vệ rừng.

**Câu 8. Nhà máy thuỷ điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là**

A. Hoà Bình B. Sơn La C. Lai Châu D. I-a-ly

**Câu 9. Sản xuất cà phê bột phân bố tập trung ở**

A. Đồng bằng sông Hồng B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Tây Nguyên D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

**Câu 10.** **Tỉnh nào dưới đây dẫn đầu cả nước về sản lượng nuôi trồng thuỷ sản?**

A. Quảng Ninh. B. Bình Thuận. C. Cà Mau. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Câu 11.** **Ngư trường vịnh Bắc Bộ là một tên gọi khác của ngư trường nào dưới đây?**

A. Cà Mau - Kiên Giang. B. Ninh Thuận - Bình Thuận.

C. Hải Phòng - Quảng Ninh. D. Hoàng Sa - Trường Sa**.**

**Câu 12.** **Loại tài nguyên nào sau đây là nguyên liệu trong ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm nước ta?**

A. Sinh vật. B. Đất đai. C. Nguồn nước. D. Khí hậu.

**Câu 13.** **Cơ sở để nước ta phát triển điện mặt trời, điện gió không phải là**

A. sông hồ dày đặc. B. số giờ nắng cao. C. lượng bức xạ lớn. D. gió quanh năm.

**Câu 14.** **Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành nào sau đây?**

A. Công nghiệp khai thác khí tự nhiên. B. Công nghiệp cơ khí và hoá chất.

C. Công nghiệp sản xuất máy vi tính. D. Công nghiệp sản xuất thực phẩm.

**Câu 15.** **Ngành kinh tế nào sau đây có vai trò quyết định trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?**

A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Dịch vụ. D. Lâm nghiệp.

**Câu 16. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều thác ghềnh tạo thuận lợi cho phát triển ngành công nghiệp nào?**

A. Khai thác dầu thô và khí tự nhiên. B. Thuỷ điện.

C. Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết. D. Đóng tàu và thuyền.

**Câu 17. Sản phẩm nào sau đây là của ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta?**

A. Thuỷ sản ướp đông, quần áo, cà phê bột và cà phê hoà tan

B. Thuỷ sản ướp đông, giày da, cà phê bột và cà phê hoà tan

C. Thuỷ sản ướp đông, giày vải, cà phê bột và cà phê hoà tan

D. Thuỷ sản ướp đông, sữa tươi, cà phê bột và cà phê hoà tan

**Câu 18.** **Quốc lộ 1A là quốc lộ có đặc điểm nào sau đây?**

A. Chạy từ Lạng Sơn đến Cần Thơ. B. Chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

C. Chạy từ Hà Giang đến Cà Mau. D. Chạy từ Hà Giang đến Hà Nội.

**Câu 19.** **Loại nào sau đây không thuộc tài nguyên du lịch nhân văn?**

A. Lễ hội truyền thống. B. Công trình kiến trúc.

C. Hang động các-xtơ. D. Làng nghề truyền thống.

**Câu 20. Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?**

A. Cồng chiêng Tây Nguyên, Phố cổ Hội An. B. Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn.

C. Phong Nha – Kẻ Bàng, Di tích Mỹ Sơn. D. Hoàng Thành Thăng Long, Vịnh Hạ Long.

 **B/ PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1.** Trình bày đặc điểm phân bố của các dân tộc Việt Nam.

**Câu 2.** Trình bày sự phân bố của các dân tộc ít người ở nước ta.

**Câu 3.** Tại sao tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở nước ta đang ở mức cao?

**Câu 4**.Trình bày về mật độ dân số và phân bố dân cư nước ta. Vì sao mật độ dân cư khác nhau giữa đồng bằng và miền núi?

**Câu 5.** Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

**Câu 6.** Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng là hai vùng sản xuất lúa gạo lớn nhất nước ta?

**Câu 7:**Chứng minh nước ta có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi để phát triển khai thác thuỷ sản biển (hải sản).

**Câu 8.** Phân tích ảnh hưởng của địa hình, đất và nguồn nước đến phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

**Câu 9.**  Giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh ở nước ta hiện nay.

**C/ PHẦN KỸ NĂNG ĐỊA LÍ:**

**Câu 1.** **Cho bảng số liệu:**

**SỐ LƯỢNG BÒ VÀ GIA CẦM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng** | **2010** |  **2016** | **2018** | **2021** |
| Bò *(nghìn con)* | 5905 | 6219 | 6325 | 6365 |
| Gia cầm *(triệu con)* | 302 | 396 | 436 | 526 |

 (Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB thống kê, 2022)

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng số lượng bò và gia cầm của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021.

 b. Nhận xét tốc độ tăng trưởng số lượng bò và gia cầm của nước ta trong thời gian trên.

**Câu 2. Căn cứ vào bảng số liệu sau và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích về tình hình phát triển và cơ cấu mùa vụ của ngành trồng lúa nước ta giai đoạn 2005 – 2020.**

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Diện tích *( nghìn ha )*** | **Sản lượng*****( triệu tấn )*** |
| **Tổng** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu** | **Lúa mùa** |  |
| 2005 | 7 329,2 | 2 942,1 | 2 349,3 | 2 037,8 | 35,8 |
| 2010 | 7 489,4 | 3 085,9 | 2 436,0 | 1 967,5 | 40,0 |
| 2015 | 7 828,0 | 3 168,0 | 2 869,1 | 1 790,9 | 45,1 |
| 2020 | 7 279,0 | 3 024,1 | 2 669,1 | 1585,8 | 42,8 |

 **Câu 3.**

 **Căn cứ vào bảng số liệu sau, vẽ biểu đồ và nhận xét cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hoá phân theo loại hình vận tải ở nước ta năm 2010 và 2021.**

 ***Bảng: Cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hoá phân theo loại hình vận tải ở nước ta.***

***năm 2010 và 2021.***

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Loại hình vận tải****Năm** | **Tổng số** | **Đường bộ** | **Đường sắt** | **Đường thuỷ** **nội địa** | **Đường biển** |
| 2010 | 100,0 | 73,3 | 1,0 | 18,0 | 7,7 |
| 2021 | 100,0 | 80,4 | 0,4 | 14,9 | 4,3 |

**Câu 4. Cho bảng số liệu**

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1989-2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1989** | **1999** | **2009** | **2021** |
| Số dân (triệu người) | 64,4 | 76,5 | 86,0 | 98,5 |
| Tỉ lệ tăng dân số (%) | 2,10 | 1,51 | 1,06 | 0,94 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

- Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

- Sự thay đổi quy mô dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

- Tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

 ……………………………….Hết……………………………………………….